

KHẢO SÁT NHU CẦU HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA NGÀNH QTKD

PGS.TS. Đoàn Thị Mỹ Hạnh^(*)

TS. Trịnh Thùy Anh^(*)

ThS. Trương Mỹ Diễm^(*)

Tóm tắt

Phương thức quản lý đào tạo và giảng dạy truyền thống đã có vai trò quan trọng đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo ở nước ta trong suốt một thời kỳ dài mà không ai có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, và xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, nhu cầu học tập của dân cư tăng nhanh đòi hỏi ngành giáo dục đào tạo phải phát triển nhiều phương thức đào tạo đa dạng. Những năm gần đây đào tạo từ xa đã phát triển khá nhanh ở nước ta với số người theo học ngày càng tăng. Như vậy: “Làm sao để mở rộng quy mô đào tạo từ xa đáp ứng được nhu cầu học tập đang tăng nhanh trong dân cư mà vẫn bảo đảm những yêu cầu cần thiết của chương trình đào tạo?”. Bài viết này đề cập đến hai yếu tố có vai trò quan trọng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng đào tạo, đó là chương trình đào tạo và học liệu, qua phân tích kết quả khảo sát⁽¹⁾ về chương trình đào tạo từ xa ngành QTKD trường ĐH Mở TpHCM và nhu cầu về học liệu điện tử.

Từ khóa: học liệu điện tử - chương trình đào tạo - đào tạo từ xa

1. Đặt vấn đề

Phương thức quản lý đào tạo và giảng dạy truyền thống đã có vai trò quan trọng đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo ở nước ta suốt một thời kỳ dài mà không ai có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ, thì chúng tỏ ra không thể đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhiều người học. Phương thức đào tạo từ xa ra đời và nhanh chóng được người học ưa chuộng. Gắn liền với phương thức đào tạo từ xa là học liệu vì người học không trực tiếp nghe giảng trên lớp hoặc thời lượng cho việc tiếp nhận kiến thức trên lớp với giảng viên quá ít so với hệ đào tạo chính quy (chỉ khoảng 30% số tiết). Ban đầu học liệu được dùng chỉ là các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo dưới dạng sách in, sau đó là các chương trình phát thanh, truyền hình và hiện

nay cùng với sự phát triển của Internet, học liệu điện tử ngày càng tỏ ra có ưu thế. Một chương trình đào tạo được thiết kế công phu cũng khó có thể thành công nếu như không có nguồn học liệu phong phú và phù hợp. Thật vậy, có thể nói chương trình đào tạo và học liệu có mối quan hệ mật thiết và có vai trò quan trọng đối với chất lượng đào tạo từ xa.

Khoa Quản trị kinh doanh hiện có số sinh viên học theo phương thức từ xa nhiều nhất so với các khoa khác trong trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh. Vì vậy, cung cấp một chương trình đào tạo và các loại học liệu đa dạng đáp ứng sự mong đợi của người học là vấn đề được lãnh đạo trường và khoa đặc biệt quan tâm. Việc nghiên cứu các giải pháp phát triển đào tạo từ xa bao hàm phát triển quy mô, nâng cao chất lượng, tăng tiện ích cho người học luôn được Ban Giám hiệu khuyến khích và hỗ trợ triển khai. Đề tài “Khảo sát nhu cầu

^(*) Khoa Quản Trị Kinh Doanh Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh
1 Cuộc điều tra khảo sát được tiến hành từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2010

về học liệu điện tử và chương trình đào tạo từ xa ngành QTKD” được nhóm nghiên cứu thực hiện nhằm thu thập ý kiến của sinh viên để có những thông tin làm căn cứ hiệu chỉnh chương trình đào tạo và định hướng phát triển nguồn học liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo. Bài viết này giới thiệu một phần kết quả nghiên cứu của đề tài với nội dung chính là phân tích những đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo từ xa ngành Quản trị kinh doanh và nhu cầu về học liệu điện tử của họ, từ đó đưa ra một số gợi ý về việc phát triển học liệu điện tử và hiệu chỉnh chương trình đào tạo.

2. Mô tả mẫu điều tra

Cỡ mẫu dự kiến vào khoảng 5% trên tổng số 13.860⁽¹⁾ sinh viên đang theo học chương trình từ xa ngành QTKD của trường khắp các địa bàn từ các tỉnh miền trung, miền đông cho đến miền tây nam bộ. Hơn 700 phiếu thăm dò ý kiến đã được gửi đi và sau khi xử lý chỉ sử dụng được 484 phiếu thấp hơn số dự kiến là 693 phiếu. Mặc dù số phiếu thiếu so với dự kiến nhưng cơ cấu khá hợp lý nên nhóm nghiên cứu nhận thấy kết quả phân tích là chấp nhận được. Cơ cấu mẫu theo mức độ hoàn thành chương trình⁽²⁾ như trong bảng 1 và theo nơi học như trong bảng 2.

Nội dung bảng hỏi được thiết kế thành hai phần chính là: (1) các câu hỏi liên quan đến nhu cầu sử dụng học liệu điện tử và (2) đánh giá về chương trình đào tạo ngành QTKD của người học theo phương thức đào tạo từ xa. Ngoài hai phần nội dung chính còn có phần thông tin cá nhân của người được hỏi.

Bảng 1: Cơ cấu mẫu theo mức độ hoàn thành chương trình

Mức hoàn thành chương trình (%)	Tỷ lệ trong mẫu (%)
0t	18
25	30
50	28
75	22

Bảng 2: Cơ cấu mẫu theo nơi học

Nơi học	Tỷ lệ trong mẫu (%)
TP. Hồ Chí Minh	34
Khu vực miền trung	7
Khu vực miền đông	6
Khu vực miền tây	53

3. Kết quả khảo sát

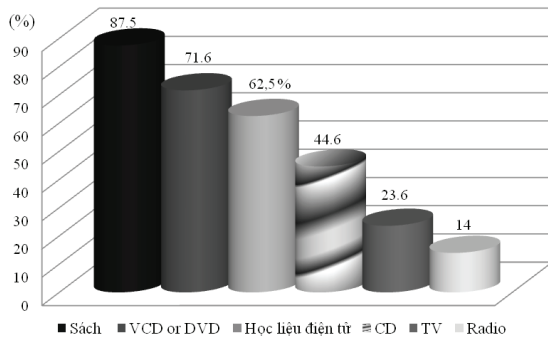
3.1 Về nhu cầu học liệu điện tử

Căn cứ trên 6 loại học liệu hiện đã, đang và sẽ sử dụng để hỗ trợ học tập cho SV theo học chương trình đào tạo từ xa của trường ĐH Mở TPHCM như: sách, đĩa tiếng (Audio-CD), đĩa hình (VCD hoặc DVD), phát bài giảng trên sóng phát thanh, truyền hình, và cung cấp học liệu điện tử trên mạng Internet. Kết quả khảo sát trình bày ở Hình 1 cho thấy, số SV thích sử dụng sách in chiếm tỷ lệ cao nhất, đứng thứ nhì trong sự lựa chọn yêu thích của SV đó chính là học liệu đĩa hình. Tuy nhiên, học liệu điện tử cũng được SV xác định đây là một trong những loại học liệu họ thích dùng khi theo học chương trình từ xa ngành QTKD (chiếm 62.5%). Đây là thông tin đáng tham khảo để xây dựng kế hoạch phát triển học liệu điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của SV từ xa.

¹ Số liệu vào tháng 6 năm 2010

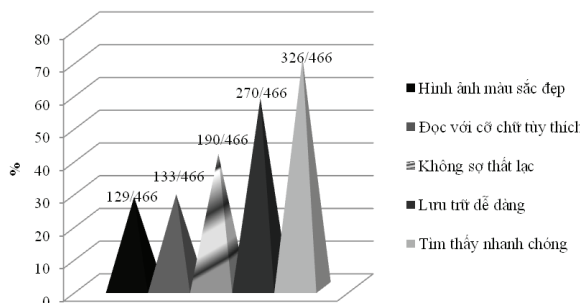
² Chương trình đào tạo từ xa có 126 tin chỉ.

Hình 1: Bạn thích tài liệu học tập dưới dạng nào?



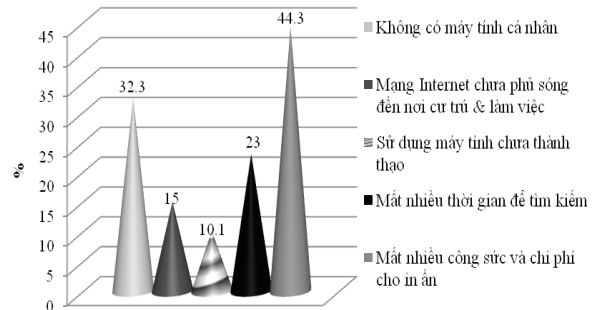
Để có thể phát triển học liệu điện tử đáp ứng đúng với nguyện vọng và mong đợi của SV, thì việc đi tìm những lý do khiến họ cảm thấy thích hoặc không thích khi dùng loại học liệu này là hết sức cần thiết. Trước tiên, phần đông SV được hỏi đã xác định yếu tố để họ lựa chọn và yêu thích việc sử dụng học liệu điện tử là vì học liệu điện tử giúp họ “tìm kiếm thông tin, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo một cách nhanh chóng” (có 326 phiếu đồng ý với lý do này – chiếm tỷ lệ gần 70%). 270 SV được hỏi (gần 60%) đồng ý rằng “lưu trữ dễ dàng” là lý do kế tiếp cho việc lựa chọn học liệu điện tử và có 190 ý kiến khác (40%) cho biết “không sợ thất lạc” cũng là một tác nhân không kém phần quan trọng trong việc tìm đến học liệu điện tử trong quá trình học tập (xem hình 2).

Hình 2: Lý do nào bạn thích sử dụng học liệu điện tử?



Song song với việc có bài giải cho vấn đề “đâu là lý do SV thích sử dụng học liệu điện tử?”, lý do không thích dùng học liệu điện tử được trình bày trong hình 3.

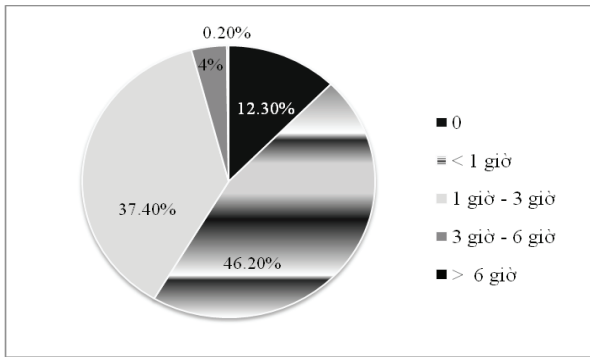
Hình 3: Lý do nào SV không thích dùng học liệu điện tử?



Vì số lượng SV ở các tỉnh theo học chương trình từ xa khá đồng, bên cạnh đó theo thống kê mức thu nhập bình quân/ người ở các tỉnh thấp hơn nhiều so với các thành phố lớn. Do vậy, việc có thể mua sắm máy tính cá nhân để truy cập Internet và đọc tài liệu điện tử là khá khó khăn cho SV đang theo học từ xa. Vì thế, rất đông SV cho rằng “không có máy tính cá nhân” là lý do làm cho họ không lựa chọn học liệu điện tử (chiếm 44.3%). Rõ ràng đây là yếu tố bên ngoài, do vậy trong tương lai nếu thu nhập bình quân của người dân được cải thiện hơn và công nghệ thông tin được triển khai rộng khắp; thì đây không còn là trở ngại ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển học liệu điện tử.

“Mất nhiều công sức và chi phí in ấn” cùng “mất quá nhiều thời gian cho việc tìm kiếm” là hai lý do khiến SV không thích sử dụng học liệu điện tử (32.3% và 23% là tỷ lệ lần lượt được xác nhận hai lý do trên).

Hình 4: Thời gian trung bình để sử dụng Internet và đọc tài liệu trên mạng



Trả lời câu hỏi “Bạn dành trung bình bao nhiêu thời gian/ngày để sử dụng Internet cho việc đọc tài liệu qua mạng?”, có hơn 46% số SV dùng dưới 1 giờ, khoảng 42% tỷ lệ SV đã dành thời gian cho việc dùng internet cho việc đọc tài liệu trên mạng từ 1 đến 6 giờ. Số liệu này cho thấy một tín hiệu lạc quan nữa cho việc phát triển nhu cầu học liệu điện tử, bởi hơn 88% SV có đọc tài liệu điện tử mỗi ngày.

3.2 Về chương trình đào tạo

Muốn đánh giá hiệu quả của một đơn vị hay một mô hình đào tạo, việc trước tiên cần thực hiện là xem xét chương trình đào tạo của đơn vị hay mô hình đào tạo ấy đã được người học đón nhận như thế nào? Trên cơ sở đó, hiệu chỉnh hay thiết kế lại chương trình phù hợp hơn cho những đối tượng mục tiêu mong muốn theo học chương trình từ xa.

Bảng 3: Nhận xét về chương trình đào tạo từ xa ngành QTKD

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý
1 CTĐT đáp ứng sự mong đợi của bạn	77.3%	6.8%	15.9%
2 Tổng số tín chỉ của CTĐT là quá nhiều	34.9%	21.3%	43.9%
3 Chương trình có nhiều môn thuộc kiến thức cơ bản không cần thiết	32.3%	30.2%	37.5%
4 Chương trình không có những môn mà bạn muốn tìm hiểu	36.8%	20.2%	43.0%
5 Chương trình có quá ít môn chọn	36.6%	16.3%	47.1%

Theo số liệu trong bảng 3, phần đông SV (chiếm trên 77%) cho rằng chương trình đào tạo đáp ứng sự mong đợi của họ. Rõ ràng đây là con số lạc quan, bởi vì để có thể gặt hái kết quả tốt trong công tác đào tạo, trước hết cần xây dựng một chương trình đào tạo đáp ứng được sự mong đợi của người học. Gần 16% SV không tán thành và 7% không ý kiến. Có nhiều lý do mà những người học này không hài lòng với chương trình chẳng hạn như là chương trình là có quá nhiều môn thuộc kiến thức cơ bản là không cần thiết (32,3%) đối với những người đã từng trải có nhiều kinh nghiệm sống, thiếu những môn học mà SV muốn tìm hiểu (36,8%) hay chương trình có quá ít môn chọn để họ có thể chọn lựa những môn học thích hợp (36,6%). Tuy nhiên con số 16% không hài lòng là không đáng lo ngại vì những SV học từ xa rất khác biệt về tuổi đời, điều kiện và hoàn cảnh sống, công việc đang làm... Không thể nào một chương trình đào tạo thiết kế cho số đông lại có thể làm hài lòng tất cả mọi người.

Với câu hỏi “nếu có cơ hội được chọn lựa, bạn sẽ chọn môn học nào?” thì 64,9% chọn môn Quản trị nhân lực, 59,9% chọn môn Quản trị Marketing, Quản trị học và Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh cùng 58,7%, Quản trị thương hiệu 58,3%. Trong 5 môn này chỉ có môn Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh nằm trong danh mục các môn chọn của chương trình, 4 môn còn lại đều là môn bắt buộc. Điều này cho thấy sự phù hợp của chương trình vì các môn bắt buộc được người học ưa thích. Ba môn ít được chọn nhất là Quản trị tập đoàn đa quốc gia (30,4%), Quản trị chuỗi cung ứng (34,1%), và truyền thông Marketing tích hợp (38,4%). Ba môn này đều nằm trong danh mục các môn chọn có nội dung khá mới; do vậy, có thể SV chưa biết nhiều về các hoạt động này vì đa phần họ làm việc ở các tỉnh, quy mô của doanh nghiệp là

nhỏ nên chưa quan tâm đến những kiến thức của các môn học này. Các môn còn lại có mức chênh lệch trong việc chọn lựa không đáng kể.

Bảng 4 : Tỷ lệ SV lựa chọn môn học, nếu được chọn

Môn học	Chọn	Môn học	Chọn	Môn học	Chọn
Quản trị nhân lực	64,9%	Nghiệp vụ ngoại thương	51,9%	QT chất lượng	43,6%
QT Marketing	59,9%	Quản trị chi phí	51,2%	Kinh doanh quốc tế	43,2%
Quản trị (QT) học	58,7%	Hành vi tổ chức	50,8%	QT vận hành	41,3%
Kỹ năng đàm phán	58,7%	Dự báo trong kinh doanh	50%	Định mức lao động và tiền lương	41,3%
QT thương hiệu	58,3%	QT chiến lược	48,6%	Truyền thông Marketing tích hợp (IMC)	38,4%
Nghiên cứu marketing	56,6%	Quản trị dự án	47,3%	Quản trị chuỗi cung ứng	34,1%
Quan hệ công chúng	54,5%	Thiết lập và thẩm định dự án	46,3%	Quản trị tập đoàn đa quốc gia	30,4%
Lập kế hoạch kinh doanh	53,9%	QT tài chính 1	45,3%		
Quản trị bán hàng	52,2%	Quản trị dịch vụ	43,6%		

cách làm chuyên đề tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp, các bài báo cáo chuyên đề của các quản trị viên cấp cao và cấp trung làm việc tại các doanh nghiệp đã trình bày trong các buổi báo cáo chuyên đề cho sinh viên của khoa.

4. Một số gợi ý từ kết quả khảo sát

4.1 Đưa nguồn tài liệu hiện có lên website của trường

Qua phân tích kết quả khảo sát ở trên, có thể thấy rằng hiện nay đã có nhu cầu sử dụng học liệu điện tử trong sinh viên học từ xa. Vì vậy, có thể tập hợp lại tất cả những nguồn tài liệu dưới dạng văn bản hiện có đưa lên website của trường cho SV sử dụng. Các tài liệu này bao gồm: tóm tắt bài giảng của giảng viên trình bày trên phần mềm PowerPoint; kỹ yếu hội thảo khoa học; các bài giảng dưới dạng audio và video; tóm tắt đề tài nghiên cứu của giảng viên và sinh viên; các bài chuyên khảo có liên quan đến nội dung các môn học mà các giảng viên và các nhà nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành (tạo đường dẫn); các bài báo cáo chuyên đề như hướng dẫn

4.2 Hiệu chỉnh chương trình đào tạo từ xa ngành QTKD

Những kết quả từ cuộc khảo sát cũng cho gợi ý nên nghiên cứu hiệu chỉnh chương trình theo hướng giảm một số tín chỉ đối với các môn đại cương, môn kỹ năng, bổ sung những môn cập nhật kiến thức và có thể vận dụng ngay vào công việc hiện tại của người học, và thêm danh mục môn chọn để chương trình linh hoạt hơn có thể đáp ứng được mong đợi của nhiều người học hơn. Song song với việc hiệu chỉnh chương trình, khoa cũng nên xem lại cách thức thực hiện chương trình, tăng tiện ích cho sinh viên học từ xa thông qua việc cải tiến hoạt động tư vấn học tập, cách đánh giá học lực, tổ chức thi cử...

2. Kết luận

Trong những năm sắp tới nhu cầu học tập của dân cư sẽ tiếp tục tăng nhanh, đào tạo từ xa có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển quy mô. Để đáp ứng được sự mong đợi của người học và xu thế phát triển chung, cùng với việc hiệu chỉnh chương trình cho phù hợp hơn thì việc

phát triển học liệu cũng cần được chú trọng đẩy nhanh tốc độ. Song song đó nhà trường nên quan tâm đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đầu tư thêm trang thiết bị để sinh viên có thể khai thác hiệu quả các học liệu điện tử cũng như mở rộng hình thức giảng dạy trực tuyến cho hệ từ xa.